

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* :

22/09/2025

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>No</i>	<i>Securities code</i>	<i>Quantity</i>	<i>Weight</i>
I.	Chứng khoán/Stock	1,261,800,000	95.79%
1	ACB	2,100	4.04%
2	BID	100	0.30%
3	BVH	100	0.44%
4	CII	200	0.36%
5	CMG	100	0.31%
6	CTG	400	1.55%
7	DBC	100	0.21%
8	DCM	100	0.29%
9	DGC	100	0.73%
10	DGW	100	0.33%
11	DIG	300	0.56%
12	DPM	200	0.39%
13	DXG	400	0.70%
14	EIB	700	1.39%
15	EVF	300	0.30%
16	FPT	600	4.69%
17	FRT	100	0.99%
18	FTS	100	0.28%
19	GAS	100	0.47%
20	GEX	300	1.25%
21	GMD	200	1.11%

22	GVR	100	0.22%
23	HAG	300	0.35%
24	HCM	300	0.61%
25	HDB	1,200	2.75%
26	HDG	100	0.24%
27	HHV	200	0.23%
28	HPG	2,000	4.44%
29	HSG	200	0.29%
30	KBC	200	0.55%
31	KDC	100	0.39%
32	KDH	300	0.78%
33	LPB	1,300	4.59%
34	MBB	2,000	4.05%
35	MSB	900	0.92%
36	MSN	400	2.55%
37	MWG	500	2.98%
38	NAB	700	0.79%
39	NKG	200	0.30%
40	NLG	100	0.31%
41	OCB	300	0.29%
42	PAN	100	0.25%
43	PC1	100	0.20%
44	PDR	200	0.36%
45	PLX	100	0.27%
46	PNJ	100	0.67%
47	POW	300	0.35%
48	PVD	100	0.17%
49	PVT	100	0.14%
50	REE	100	0.51%
51	SAB	100	0.35%
52	SHB	1,600	2.16%
53	SSB	700	1.04%
54	SSI	700	2.14%
55	STB	900	3.77%
56	TCB	1,800	5.25%
57	TCH	300	0.47%
58	TPB	700	0.99%
59	VCB	400	1.91%
60	VCG	200	0.41%
61	VCI	200	0.65%
62	VHM	600	4.63%
63	VIB	800	1.23%
64	VIC	700	8.14%

65	VIX	700	1.87%
66	VJC	100	1.04%
67	VND	500	0.86%
68	VNM	400	1.88%
69	VPB	2,100	4.85%
70	VRE	400	0.89%
II.	Tiền/Cash (VND)	55,502,145	4.21%
III.	Tổng/Total	1,317,302,145	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 1,261,800,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 1,317,302,145

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 55,502,145

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	25,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	39,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	103,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	72,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	26,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	78,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	88,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	67,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	38,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	30,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	22,700	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thủy Lan

